TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **107**/2018/HC-PT
Ngày 04 tháng **7** năm 2018

"V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**

Ông **Võ Ngọc Thông**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Hải Tuấn**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 168/2018/TLPT-HC ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc "*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HCST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Phạm T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện P, Quảng Nam;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện: Ông Nguyễn Đ – Chức vụ Phó chủ tịch UBND huyện P (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện P và UBND huyện P: Ông Trần Quốc D – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1982; Địa chỉ: Huyện P, tỉnh Quảng Nam, ủy quyền cho ông Phạm Ngọc Q, trú tại: phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Phạm T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của người khởi kiện ông Phạm T tại phiên tòa, như sau:

Nguyên gia đình ông có bà cố Nguyễn Thị H (Đã chết) để lại cho cha ông Phạm Quát (Đã chết) và mẹ ông Nguyễn Thị T hai mảnh đất có trích lục do Nhà bảo tồn điền trạch tỉnh Quảng Nam cấp năm 1939 gồm: Thửa đất có số hiệu 1541, diện tích 01 sào, 01 thước 09 tấc và thửa đất có số hiệu 1539 có diện tích 01 sào, 04 thước 03 tấc. Nay UBND huyện P đã đo gộp lại hai thửa đất trên có diện tích 2.066m^2, trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm 1830m^2, đất xây dựng nhà ở và công trình xây dựng khác 173m^2, đất xây dựng mồ mã 63m^2 thuộc thửa 150, tờ bản đồ số 3.

Hai thửa đất trên do bà cố của ông để lại cho cha ông sử dụng trồng khoai, sắn và chặt củi lấy lá, mãi đến năm 1967 sau khi cha ông chết, mẹ ông và vợ ông tiếp tục quản lý, sử dụng đến năm 1993. Hiện trạng trên diện tích đất có các loại cây như cây cốc, cây sim và chồi cây để lấy lá, lấy củi và có hai bụi tre. Hiện nay chỉ còn lại duy nhất hai bụi tre và ranh giới bờ rào chung quanh. Sau năm 1993, ông Phạm H có đến gia đình ông hỏi mượn đám đất trên để trồng khoai, trồng sắn, gia đình ông đã đồng ý cho mượn, khi nào gia đình ông cần sẽ lấy lại để sản xuất nhưng đến tháng 3/2013 ông H đã tự ý cho con trai là ông Phạm Ngọc A tự tiện làm nhà ở trên diện tích đất của gia đình ông, phần đất còn lại ông A đã tự ý trồng keo. Khi phát hiện, ông đã trực tiếp đến gặp gia đình ông H để đòi đất lại nhưng ông H bị tai biến, vợ con ông H không cho ông gặp ông H. Năm 2013 ông gởi đơn khiếu nại đến UBND xã T, nhưng ông H bị bệnh nên UBND xã không giải quyết. Đến tháng 8/2016 ông làm đơn gởi đến UBND huyện P, sau khi có công văn chỉ đạo của UBND huyện, UBND xã T đã tổ chức hòa giải. Sau buổi

hòa giải ngày 23/02/2017 không thành tại UBND xã T, ông đã có đơn khiếu nại gởi đến UBND huyện P, được UBND huyện P thụ lý tại Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 17/7/2017, sau đó UBND huyện P có Quyết định 6621/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai của ông Phạm T.

UBND huyện P cho rằng ông không có bất cứ giấy tờ nào chứng minh diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của ông và không trực tiếp quản lý diện tích đất này để trồng cây từ sau năm 1993 đến nay và không kê khai, đăng ký, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước là không đúng vì ông đã cung cấp cho UBND huyện hai trích lục do Nhà bảo tồn điền trạch tỉnh Quảng Nam cấp năm 1939 có tên bà cố của ông Nguyễn Thị H. Tại Quyết định 6621/QĐ-UBND xem xét cấp đất cho ông Phạm Ngọc A chứ không phải cấp đất cho ông là không đúng.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện P; buộc UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông đối với thửa đất 150, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.066m^2 theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Nguyễn Đạo trình bày:

Theo Nghị định số 64/CP thì đất tranh chấp qua đo đạc thực tế diện tích 2.066m^2 thuộc thửa 150, tờ bản đồ số 3, loại đất hoang, không có tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào kê khai đăng ký hồ sơ địa chính, đất do UBND xã T quản lý và chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào.

Căn cứ đơn khiếu nại của ông T, trên cơ sở xác minh quá trình sử dụng đất thì khu đất này có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị H để lại, trong khoảng thời gian trên ông T có sử dụng chặt lấy củi và trồng sắn nhưng không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất.

Sau năm 1993 diện tích đất trên do gia đình ông Phạm Ngọc H sử dụng trồng sắn và các cây lâu năm, đến năm 2005 ông chuyển sang trồng keo đã thu hoạch một mùa và ông trồng lại, hiện tại keo ông trồng được 3 năm tuổi, gia đình ông H cũng không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất.

Năm 2013 ông Phạm Ngọc H cho con là ông Phạm Ngọc A làm nhà trái phép trên diện tích đất này, UBND xã T đã lập thủ tục xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trên, hiện ông A đang ở trên diện tích đất này. Như vậy, từ năm 1993 đến nay, gia đình ông T không có tài sản gì trên đất, cũng như không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ đối với

Nhà nước qua các thời kỳ thực hiện chính sách đất đai theo quy định của pháp luật. Việc ông cung cấp 02 bản trích lục thửa đất do Nha bảo tồn điền trạch Quảng Nam cấp năm 1939 để yêu cầu Nhà nước công nhận đất cho ông là không có cơ sở giải quyết, bởi vì bản trích lục trên không có trong hệ thống hồ sơ địa chính của Nhà nước Việt Nam nên không phải là chứng thư pháp lý để chứng minh quyền sử dụng đất của ông.

UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với ông Phạm T là đúng quy định pháp luật nên UBND không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc A, ông Phạm Ngọc Q trình bày:

Ông A đang sử dụng thửa đất 150, tờ bản đồ số 03, diện tích 2066m^2 tại huyện P, tỉnh Quảng Nam. Thửa đất trên được ông cố ông A là Phạm H chia cho ông nội ông A là Phạm T sử dụng để lo ngày giỗ cho bà cố là Nguyễn Thị H. Sau khi ông nội ông A chết thì cha ông A là Phạm Ngọc H tiếp tục quản lý và sử dụng. Năm 2015, cha ông A chết thì ông A tiếp tục quản lý và sử dụng để trồng khoai, sắn và trồng cây lâu năm.

Sau năm 1975, Ủy ban nhân dân xã T có thông báo kê khai, đo đạc lại đất thì cha ông A nói thửa đất này không có giá trị kinh tế và đất sử dụng lâu đời, không có ai tranh chấp, khi nào Nhà nước thu hồi thì giao lại cho chính quyền nên cha ông A không kê khai.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HCST ngày 19/4/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 358; Điều 366 Luật tố tụng hành chính 2015, Điều 100; Điều 101; Điều 166; khoản 1 Điều 168; điểm i khoản 1 Điều 169; khoản 1, khoản 2 Điều 170 Luật đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/20Ĩ6/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*" yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện P; buộc UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam công nhận quyền sử dụng đất

cho gia đình ông đối với thửa đất 150, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.066m^2 tại thôn Khánh Tân, xã T, huyện P.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2017, người khởi kiện ông Phạm T kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, với lý do quyết định của Bản án sơ thẩm là chưa khách quan, không đúng với qui định của pháp luật và không đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của gia đình ông; Yêu cầu Tòa phúc thẩm tuyên hủy Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện P; Buộc UBND huyện P công nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 150, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.066m^2 đất cho gia đình ông; Buộc ông A tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất và trả lại đất theo hiện trang ban đầu cho gia đình ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Ngày 23-11-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 6621/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại tranh chấp về đất đai đối với ông Phạm T. Không đồng ý với nội dung giải quyết và cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ngày 5-12-2017, ông Phạm T có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 23-11-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Xét đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, do vậy căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm tuyên hủy Quyết định hành chính nói trên, Hội đồng xét xử thấy rằng diện tích đất 2.066m^2 trong đó có đất trồng cây lâu năm là 1.830m2; đất xây dựng nhà ở, công trình khác trái phép của ông Phạm Ngọc A là 173m^2 và diện tích đất xây dựng mồ mã 63m^2 thuộc thửa 150, tờ bản đồ số 3, là loại đất hoang, do UBND xã T quản lý, chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào, hiện nay diện tích đất này do ông Phạm Ngọc A sử dụng. Ông Phạm T cho rằng diện tích đất này có nguồn gốc của cụ cố ông là bà Nguyễn Thị H, được ghi nhận

trong bản Trích lục thửa đất do Nha bảo tồn điền trạch Quảng Nam cấp năm 1939, nên yêu cầu công nhận diện tích đất nêu trên là của gia đình ông. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình, thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy diện tích đất nói trên ông Phạm T không đăng ký kê khai theo quy định pháp luật. Theo hồ sơ địa chính lập năm 1997 diện tích đất này là loại đất hoang, do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Việc ông Phạm T xuất trình Trích lục thửa đất do Nha bảo tồn điền trạch Quảng Nam cấp năm 1939 để cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là do cụ cố để lại cho gia đình ông là không có căn cứ chấp nhận. Do đó tại Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 23-11-2017 của Chủ tịch UBND huyện P không công nhận nội dung khiếu nại về đất đai của ông Phạm T là đúng pháp luật.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm T là không có căn cứ chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Miễn án phí hành chính phúc thẩm đối với người kháng cáo ông Phạm T.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm T. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 19-4-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1. Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 358; Điều 366 Luật tố tụng hành chính 2015, Điều 100; Điều 101; Điều 166; khoản 1 Điều 168; điểm i khoản 1 Điều 169; khoản 1, khoản 2 Điều 170 Luật đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/20Ĩ6/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện P; buộc UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông đối với thửa đất 150, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.066m^2 tại thôn Khánh Tân, xã T, huyện P.

3. Người khởi kiện ông Phạm T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn